

Số: 30 /2020/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 23 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20 tháng 4 năm 2007;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 283/TTr-SNV ngày 25 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và thay thế Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Vụ Chính quyền địa phương - Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các Tổ chức Đoàn thể cấp tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Thường trực các Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Báo Vĩnh Phúc,
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin giao tiếp điện tử tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, TH3.

(40) *RS*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trì

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~30~~/2020/QĐ-UBND ngày ~~23~~ /~~7~~ /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc).

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tới tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 2. Vị trí vai trò của thôn, tổ dân phố

Vị trí, vai trò của thôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, cụ thể như sau:

1. Thôn được tổ chức ở xã.
2. Tổ dân phố được tổ chức ở phường, thị trấn.
3. Thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.
2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.

hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

2. Việc tổ chức đề nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 7. Điều kiện thành lập, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Trong trường hợp khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã và tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố yêu cầu phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Quy mô số hộ gia đình

Đối với thôn phải có từ 300 hộ gia đình trở lên;

Đối với tổ dân phố phải có từ 350 hộ gia đình trở lên.

b) Các điều kiện khác: Thôn, tổ dân phố cần có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

c) Đối với trường hợp đặc thù

Thôn, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân hoặc các khu vực dân cư có vị trí biệt lập thì điều kiện về quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 8. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

1. Quyết định chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

a) Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ các quy định về nguyên tắc tổ chức, hoạt động thôn, tổ dân phố tại Điều 3 và điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tại Điều 7 Quy chế này báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) về chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của xã, phường, thị trấn thuộc địa phương.

b) Sở Nội vụ xem xét, thẩm định nhu cầu thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định về chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

2. Xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đồng ý về chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung của Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới gồm:

- a) Sự cần thiết phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;
- b) Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới;
- c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới;
- d) Các điều kiện khác quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 Quy chế này;
- đ) Đề xuất, kiến nghị.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Hội nghị lấy ý kiến cử tri phải có biên bản, trong đó thể hiện rõ tổng số cử tri lấy ý kiến, số cử tri tán thành và số cử tri không tán thành. Nếu trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh Hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét. Hồ sơ bao gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;
- b) Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;
- c) Biên bản lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn, tổ dân phố mới;
- d) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.

4. Kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập thôn mới, tổ dân phố mới:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm theo 02 bộ hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Hồ sơ của cấp xã đề nghị thành lập thôn mới, tổ dân phố mới trình Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ, báo cáo kết quả thẩm định và dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

6. Căn cứ hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố, chuyển thôn thuộc xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn, ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

1. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố, chuyển thôn thuộc xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

2. Chuyển thôn thành tổ dân phố trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã.

Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định chuyển thôn thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn.

3. Đối với trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố

Sau khi thực hiện Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm theo danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố liên quan) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định giải thể thôn, tổ dân phố.

4. Việc đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

a) Việc đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện trong quy trình lập hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, sáp nhập thôn, tổ dân phố;

b) Việc đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo các bước như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm: Tờ trình và Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố (phương án cần nêu rõ lý do của việc đổi tên thôn, tổ dân phố; tên của thôn, tổ dân phố sau khi đổi tên...) và tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về phương án đổi tên thôn, tổ dân phố, tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến;

- Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết Hội đồng nhân

dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về việc đổi tên thôn, tổ dân phố.

5. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có thực hiện theo quy định tại điểm a, c, đ khoản 1 và các khoản 2,3,4,5 Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

a) Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Quy chế này thì sau khi có quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có;
- Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi ghép;
- Đề xuất, kiến nghị.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và thôn, tổ dân phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

c) Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

d) Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 5 Điều này;

đ) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

Chương III

TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 10. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố phải là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố; đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

a) Nhiệm vụ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

- Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố; tổ chức thực hiện những công việc thuộc phạm vi thôn, tổ dân phố đã được nhân dân bàn và quyết định; bảo đảm các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định tại Điều 5 Quy chế này;

- Vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Tập hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của nhân dân trong thôn, tổ dân phố. Báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã về những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, tổ dân phố;

- Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, tổ dân phố; lập biên bản về kết quả đã được nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội ở thôn, tổ dân phố để vận động nhân dân tham gia thực hiện các phong trào và cuộc vận động do các tổ chức này phát động;

- Sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo kết quả công tác trước hội nghị thôn, tổ dân phố.

b) Quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

- Được ký hợp đồng về xây dựng công trình do nhân dân trong thôn, tổ dân phố đóng góp kinh phí đầu tư đã được hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua và bảo đảm các quy định liên quan của chính quyền các cấp;

- Được phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố; được chính quyền cấp xã mời họp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quản lý, hoạt động của thôn, tổ dân phố; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

c) Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện các nhiệm vụ do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công.

Điều 11. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ thể:

a) Trên cơ sở thống nhất với Chi ủy Chi bộ, Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử danh sách đề Hội nghị của thôn, tổ dân phố bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; tại hội nghị này, cử tri tại thôn, tổ dân phố có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử. Căn cứ kết quả bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

b) Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Chương 2 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

c) Thời điểm tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhiệm kỳ mới: Ngay sau khi kết thúc nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố cũ.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình xét thấy không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc không còn

được nhân dân tín nhiệm, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, vi phạm các quy định của cấp trên thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cho thôi giữ chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, ra quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định cho thôi giữ chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không ra quyết định theo đề nghị của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 12. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 5 năm (năm năm).
2. Trường hợp do thành lập thôn mới, tổ dân phố mới, khi hết nhiệm kỳ Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố nhưng chưa bầu được hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố bầu được Trưởng thôn mới, Tổ trưởng tổ dân phố mới trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.
3. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Quy chế

1. Sở Nội vụ

Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nội vụ thực hiện:

 - a) Thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; chia tách, sáp nhập thôn, tổ dân phố hiện có để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; giải thể thôn, tổ dân phố; đổi tên thôn, tổ dân phố;
 - b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển thôn thuộc xã thành tổ dân phố thuộc phường, thị trấn;
 - c) Thẩm định phân loại thôn, tổ dân phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;
 - d) Đôn đốc, kiểm tra UBND cấp huyện về việc thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

đ) Định kỳ hàng năm thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ về việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 3/12/2018 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có sau khi đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua;

b) Chỉ đạo kiểm tra và tổ chức thực hiện các nội dung theo quy định của Trung ương và Quy chế này tại địa phương; trước ngày 15/12 hàng năm báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố và việc thực hiện Quy chế này về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp).

4. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định của Trung ương và tại Quy chế này.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tuyên truyền, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, hoặc phát sinh những vấn đề mới, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét, giải quyết, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trì